

Số: /QĐ-ĐHNN

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường Trung học phổ thông Chuyên Ngoại ngữ năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc ĐHQGHN về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 2716/QĐ-ĐHNN ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN;

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên;

Căn cứ Quyết định số 4256/QĐ-ĐHQGHN ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Trung học phổ thông Chuyên Ngoại ngữ trực thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo & Người học và Trưởng phòng Quản trị chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 trường Trung học phổ thông Chuyên Ngoại ngữ năm 2026 (có phụ lục đính kèm).

Điều 2. Cấu trúc đề thi ban hành kèm theo quyết định này là căn cứ để Hội đồng tuyển sinh và Ban đề thi xây dựng đề thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT Chuyên Ngoại ngữ từ năm 2026.

Điều 3. Trưởng phòng Quản trị đại học, Trưởng phòng Quản trị chất lượng, Hiệu trưởng Trường THPT Chuyên Ngoại ngữ và Trưởng các đơn vị trong trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Phó Hiệu trưởng khác (để thực hiện);
- P.QTCL (để phối hợp);
- Lưu: QTĐH, ĐT&NH, TT02.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Long

CẤU TRÚC BÀI THI TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGOẠI NGỮ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNN ngày tháng năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Số môn thi: 4
- Thang điểm đánh giá: 50

STT	Môn thi	Thời gian	Thang điểm
1	Toán	90 phút	10 (hệ số 1)
2	Ngữ văn	120 phút	10 (hệ số 1)
3	Tiếng Anh	60 phút	10 (hệ số 1)
4	Ngoại ngữ chuyên (Anh, Trung, Pháp, Đức, Nhật, Hàn)	90 phút	10 (hệ số 2)

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

MÔN THI: TOÁN

- Thời gian làm bài: 90 phút
- Số câu hỏi: 20 câu Trắc nghiệm và 2 câu Tự luận
- Thang điểm: 10, trong đó Trắc nghiệm 5 điểm và Tự luận 5 điểm

Dạng câu hỏi	Mô tả câu hỏi và kiến thức/năng lực được đánh giá
Phần I: Trắc nghiệm - 20 câu hỏi - 5.0 điểm; 0.25 điểm/câu + Đại số: 11 câu + Hình học: 6 câu + Thống kê, xác suất: 3 câu	Thí sinh lựa chọn phương án đúng trong 4 lựa chọn (A, B, C hoặc D). Nội dung các câu hỏi liên quan đến kiến thức đại số, hình học, thống kê, xác suất trong chương trình môn Toán bậc Trung học cơ sở nhằm đánh giá năng lực giải quyết các vấn đề toán học.
Phần II: Tự luận - 2 câu hỏi - 5.0 điểm + Câu 1 (Đại số): 3.0 điểm + Câu 2 (Hình học): 2.0 điểm	Thí sinh giải các bài toán. Nội dung câu 1 liên quan đến kiến thức đại số. Nội dung câu 2 liên quan tới kiến thức hình học. Kiến thức/năng lực được đánh giá nằm trong chương trình môn Toán bậc Trung học cơ sở.

MÔN THI: NGỮ VĂN

- Thời gian làm bài: 120 phút
- Số câu hỏi: 20 câu hỏi Trắc nghiệm và 2 câu hỏi Tự luận
- Thang điểm: 10, trong đó Trắc nghiệm 4 điểm và Tự luận 6 điểm

Dạng câu hỏi	Mô tả câu hỏi và kiến thức/năng lực được đánh giá
Phần I: Trắc nghiệm - 20 câu hỏi - 4.0 điểm - 0.2 điểm/câu	Phần này sử dụng ngữ liệu là từ ngữ, câu văn, câu thơ, đoạn văn, đoạn thơ, thành ngữ, tục ngữ, đoạn trích từ văn bản thông tin và văn bản nghị luận. Thí sinh khai thác ngữ liệu đã cho, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, sử dụng năng lực ngôn ngữ tiếng Việt, năng lực đọc hiểu, năng lực tư duy và năng lực giải quyết vấn đề lựa chọn phương án đúng nhất cho mỗi câu hỏi.

Phần II: Tự luận - 2 câu hỏi - 6.0 điểm + Câu 1: 2 điểm + Câu 2: 4 điểm	Câu 1: Cảm thụ văn học Phần này sử dụng ngữ liệu là một tác phẩm thơ, một đoạn trích từ một tác phẩm thơ hoặc văn xuôi. Thí sinh viết một đoạn văn khoảng 250 chữ thực hiện cảm thụ văn học theo yêu cầu của đề bài.
	Câu 2: Nghị luận xã hội Phần này sử dụng ngữ liệu là một phát ngôn, một ý kiến hoặc một vấn đề trong thực tế cuộc sống. Thí sinh viết một bài văn khoảng 500 chữ lập luận, trình bày quan điểm về vấn đề theo yêu cầu của đề bài.

MÔN THI: TIẾNG ANH

- Thời gian làm bài: 60 phút
- Số câu hỏi: 50 câu trắc nghiệm
- Thang điểm: 10, trong đó 0.2 điểm/câu

Dạng câu hỏi	Mô tả câu hỏi và kiến thức/năng lực được đánh giá
Cách phát âm của âm vị trong từ (5 câu hỏi)	Chọn phương án chứa phần gạch chân khác với những lựa chọn còn lại. Các câu hỏi đánh giá khả năng xác định cách phát âm hoặc trường độ của các âm vị nguyên âm hoặc phụ âm trong từ.
Trọng âm của từ (5 câu hỏi)	Chọn phương án chứa từ có vị trí trọng âm khác với những lựa chọn còn lại. Các câu hỏi đánh giá khả năng xác định trọng âm trong đơn vị từ.
Điền thông tin trong hội thoại (4 câu hỏi)	Chọn phương án đúng để điền thông tin trong hội thoại. Các câu hỏi đánh giá khả năng hiểu nghĩa và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.
Hiểu biểu thông báo/ghi chú (5 câu)	Chọn phương án đúng là thông báo/ghi chú/biểu hiệu phù hợp với diễn giải cho trước. Các câu hỏi đánh giá khả năng hiểu nghĩa và sử dụng ngôn ngữ phù hợp để giải thích thông tin được cung cấp trong thông báo/ghi chú/biểu hiệu.
Hoàn thành câu (10 câu hỏi)	Chọn phương án đúng nhất để hoàn thành chỗ trống trong câu. Các câu hỏi đánh giá kiến thức về từ vựng, ngữ pháp trong câu.
Điền từ trong bài đọc (6 câu hỏi)	Chọn phương án đúng nhất để hoàn thành các chỗ trống trong bài đọc. Các câu hỏi đánh giá kiến thức về từ vựng, ngữ pháp trong văn bản.
Đọc hiểu 1 (5 câu hỏi)	Chọn phương án đúng (T/F/NG) dựa vào thông tin được cung cấp trong bài đọc. Các câu hỏi đánh giá khả năng xác định thông tin đúng, sai hoặc thông tin không được cung cấp trong văn bản.
Đọc hiểu 2 (5 câu)	Chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi trong bài đọc. Các câu hỏi đánh giá khả năng đọc hiểu văn bản.
Sắp xếp Hội thoại (5 câu hỏi)	Chọn phương án là cách sắp xếp các lượt lời trong hội thoại đúng nhất. Các câu hỏi đánh giá khả năng hiểu nghĩa và sử dụng ngôn ngữ giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp; khả năng hiểu suy diễn và hàm ngôn phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp.

MÔN THI: NGOẠI NGỮ CHUYÊN

- Thời gian làm bài: 90 phút
- Số câu hỏi: 60 câu Trắc nghiệm và 1 câu Tự luận
- Thang điểm: 10, trong đó Trắc nghiệm 7 điểm và Tự luận 3 điểm

TIẾNG ANH

Dạng câu hỏi	Mô tả câu hỏi và kiến thức/năng lực được đánh giá
Tìm từ/cụm từ đồng nghĩa (4 câu)	Chọn phương án chứa từ/cụm từ đồng nghĩa với từ/cụm từ được gạch chân. Các câu hỏi đánh giá khả năng hiểu nghĩa và xác định từ/cụm từ đồng nghĩa.
Tìm từ/cụm từ trái nghĩa (4 câu)	Chọn phương án chứa từ/cụm từ trái nghĩa với từ/cụm từ được gạch chân. Các câu hỏi đánh giá khả năng hiểu nghĩa và xác định từ/cụm từ trái nghĩa.
Hoàn thành câu (10 câu)	Chọn phương án đúng nhất để hoàn thành chỗ trống trong câu. Các câu hỏi đánh giá kiến thức về từ vựng, ngữ pháp trong câu.
Điền từ trong bài đọc (8 câu)	Chọn phương án đúng nhất để hoàn thành các chỗ trống trong bài đọc. Các câu hỏi đánh giá kiến thức về từ vựng, ngữ pháp trong mệnh đề, câu và diễn ngôn.
Đọc hiểu (8 câu)	Chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi trong bài đọc. Các câu hỏi đánh giá khả năng đọc văn bản lấy ý chính, xác định cấu trúc, hiểu mục đích, thái độ, quan điểm của tác giả, hiểu thông tin chi tiết, nghĩa của từ và cụm từ, tham chiếu, hàm ngôn, suy diễn qua ngữ cảnh.
Hoàn thành hội thoại (6 câu)	Chọn phương án đúng nhất để hoàn thành hội thoại. Các câu hỏi đánh giá khả năng hiểu nghĩa và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; kiến thức và khả năng sử dụng những cặp thoại liên kết.
Tìm diễn đạt phù hợp với ngữ cảnh (4 câu)	Chọn phương án đúng nhất để miêu tả ngữ cảnh đã cho. Các câu hỏi đánh giá khả năng hiểu ngữ cảnh và sử dụng ngôn ngữ để miêu tả/giải thích bằng các tình huống thực tế.
Viết lại câu (5 câu)	Chọn phương án chứa cách diễn đạt gần nghĩa nhất với câu cho sẵn. Các câu hỏi đánh giá khả năng xác định câu đồng nghĩa hoặc cận nghĩa.
Kết hợp câu (5 câu)	Chọn phương án chứa cách diễn đạt gần nghĩa nhất với cặp câu cho sẵn. Các câu hỏi đánh giá khả năng hiểu nghĩa các câu đơn lẻ và mối liên hệ ngữ nghĩa giữa chúng; và khả năng kết hợp các câu đơn lẻ sử dụng cấu trúc câu phức và các liên từ phù hợp.
Hoàn thành văn bản (6 câu)	Chọn phương án đúng nhất để hoàn thành các chỗ trống trong văn bản. Các câu hỏi đánh giá khả năng hiểu nghĩa diễn ngôn hoặc văn bản; kiến thức về cách phát triển ý trong một văn bản.
Viết luận	Thí sinh viết một bài luận trình bày ý kiến, thảo luận, tranh luận về một chủ đề cho sẵn.

CÁC NGOẠI NGỮ KHÁC (TRUNG, PHÁP, ĐỨC, NHẬT, HÀN)

Nội dung	Mô tả câu hỏi và kiến thức/năng lực được đánh giá
Hoàn thành câu (25 câu)	Chọn phương án đúng nhất để hoàn thành chỗ trống hoặc phương án đúng nhất với phần được gạch chân trong câu. Các câu hỏi đánh giá kiến thức về từ vựng, ngữ pháp: mạo từ, giới từ, từ đồng nghĩa, trái nghĩa, chức năng của từ trong câu,...
Điền từ trong bài đọc (10 câu)	Chọn phương án đúng nhất để hoàn thành các chỗ trống trong bài đọc (01 hoặc 02 bài đọc). Các câu hỏi đánh giá kiến thức về từ vựng, ngữ pháp trong mệnh đề, câu, diễn ngôn,...
Đọc hiểu (10 câu)	Chọn phương án đúng nhất để trả lời các câu hỏi trong bài đọc (01 hoặc 02 bài đọc). Các câu hỏi đánh giá khả năng đọc văn bản lấy ý chính, xác định cấu trúc, hiểu mục đích, thái độ, quan điểm của tác giả, hiểu thông tin chi tiết, nghĩa của từ và cụm từ, tham chiếu, hàm ngôn, suy diễn qua ngữ cảnh.
Hoàn thành Hội thoại (5 câu)	Chọn phương án đúng nhất để hoàn thành hội thoại. Các câu hỏi đánh giá khả năng hiểu nghĩa và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp; kiến thức và khả năng sử dụng những cặp thoại liên kết.
Viết lại câu (5 câu)	Chọn phương án chứa cách diễn đạt gần nghĩa nhất với câu cho sẵn. Các câu hỏi đánh giá khả năng xác định câu đồng nghĩa hoặc cận nghĩa.
Kết hợp câu (5 câu)	Chọn phương án chứa cách diễn đạt gần nghĩa nhất với cặp câu cho sẵn. Các câu hỏi đánh giá khả năng hiểu nghĩa các câu đơn lẻ và mối liên hệ ngữ nghĩa giữa chúng; và khả năng kết hợp các câu đơn lẻ sử dụng cấu trúc câu phức và các liên từ phù hợp.
Viết luận	Thí sinh viết một bài luận trình bày ý kiến, thảo luận, tranh luận về một chủ đề cho sẵn.